

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021.

*V/v “Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Dương Diễm

2. Ông Y Pep Êban

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin không tham gia phiên  
tòa:* Không tham gia

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Huyền T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 126 T, phường T, thị xã H tỉnh Thừa Thiên Huế.

*\* Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Cư Kuin).

*(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đinh Thị Huyền T trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Văn S là quen biết nhau thông qua người khác giới thiệu, sau đó nảy sinh tình cảm và tìm hiểu nhau một thời gian thì chúng tôi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào

ngày 02/11/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến đầu năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của những mâu thuẫn là do ông S không chăm lo cho cuộc sống vợ chồng mà chơi bời lêu lổng và ăn nhậu dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, chúng tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng cũng không có kết quả. Tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2016 và sống ly thân với ông S từ đó cho đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với ông S nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Văn S có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/02/2016 hiện nay đang ở với tôi. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Văn S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày như sau:*

Tôi và bà Đinh Thị Huyền T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/11/2015 như bà T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì chúng tôi chỉ sống với nhau được một thời gian đến năm 2016 thì sống ly thân do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, chúng tôi không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, bà T về nhà mẹ đẻ sống và chúng tôi cũng không liên lạc gì với nhau từ đó, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và bà Đinh Thị Huyền T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/02/2016 hiện cháu đang ở với bà T. Do hiện nay tôi đang bị bắt thi hành án hình sự nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con chung do đó tôi đồng ý theo nguyện của bà T, giao cháu H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Tôi và bà Đinh Thị Huyền T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cư Kuin nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Bà Đinh Thị Huyền T và ông Nguyễn Văn S có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/11/2015 là đúng thực tế. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc với nhau chỉ trong thời ngắn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không có sự thông cảm, thấu hiểu lẫn nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Đinh Thị Huyền T và ông Nguyễn Văn S không còn, bà T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn S được ông S đồng ý. Nhận thấy việc thuận tình ly hôn của bà Đinh Thị Huyền T và ông Nguyễn Văn S là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/02/2016 (hiện đang ở với bà T) cho bà Đinh Thị Huyền T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Huyền T

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị Huyền T và ông Nguyễn Văn S

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 07/02/2016 cho bà Đinh Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tiền số: AA/2019/0017490 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã E;
- UBND P. T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ LỢI**